

Số: 192/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 30 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Chị Châu Thị Kim N**, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường M2, thành phố Huế.

2. **Anh Lê Cao M**, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 29 đường P, phường T5, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị Kim N và anh Lê Cao M tìm hiểu nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 2017. Trong quá trình chung sống anh chị sinh được 03 người con, sau đó vào năm 2023 anh chị mới đi đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường M2, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/05/2023 nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh M là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị N và anh M chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2024 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung nên hay gây gổ, cãi vã nhau. Chị N và anh M đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Nay chị N và anh M đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh M không thể hàn gắn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn

nhân và gia đình đề công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Châu Thị Kim N và anh Lê Cao M.

[2] Về con chung: Chị Châu Thị Kim N và anh Lê Cao M xác nhận có 03 con chung là Lê Trọng Minh Đ, sinh ngày 02/7/2018, Lê Minh T, sinh ngày 11/02/2020, Lê Minh N2, sinh ngày 24/9/2021.

Chị N và anh M thỏa thuận giao 03 con Minh Đ, Minh T, Minh N2 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; chị N cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con (1.000.000 đồng/tháng/con), thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị N và anh M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị N và anh M xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị N và anh M thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000192 ngày 29/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị N và anh M đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị Kim N và anh Lê Cao M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con Minh Đ, Minh T, Minh N2 cho anh Lê Cao M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị N cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con (1.000.000 đồng/tháng/con), thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị N và anh M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh M xác nhận không có nợ chung.

2. Chị N và anh M thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000192 ngày 29/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị N và anh M đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Huế;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường M2
(ĐKKH số 34 ngày 05/5/2023 tại
UBND phường P cũ);
- Lưu án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình